

10 ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 MÔN SINH 9 NĂM 2019-2020

1. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 1

TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – BÀI SỐ 1

NĂM HỌC: 2019 – 2020

Môn sinh 9 – Lớp 9

Thời gian: 45 phút không kể thời gian phát đề.

Em hãy khoanh tròn vào các chữ cái a, b, c, d mà em cho là đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Phép lai nào sau đây tạo ra nhiều kiểu gen nhất?

- a. P: aa x aa b. P: Aa x aa c. P: AA x Aa d. P: Aa x Aa

Câu 2: Trong quá trình phân bào NST nhân đôi ở:

- a. kì giữa. b. kì trung gian. c. kì cuối. d. kì sau.

Câu 3: Tỷ lệ 3 trội : 1 lặn xuất hiện trong các phép lai nào?

- a. Aa x Aa. b. AA x Aa. c. AA x aa. d. Aa x aa.

Câu 4: Quá trình thụ tinh là:

- a. sự kết hợp của tinh trùng và trứng.
b. sự kết hợp giữa một giao tử đực với một giao tử cái.
c. sự tạo thành hợp tử.
d. sự kết hợp nhân của 2 giao tử đơn bội.

Câu 5: Tỷ lệ con trai và con gái sơ sinh xấp xỉ 1:1 là do:

- a. giao tử đực bằng số giao tử cái.
b. hai loại giao tử mang NST X và NST Y ngang nhau.
c. số con trai bằng số con gái.
d. xác suất thụ tinh của 2 loại giao tử đực (mang NST X và NST Y) là tương đương.

Câu 6: ADN được cấu tạo nên bởi các nguyên tố:

- a. C, H, O, N, P. b. C, H, P, S, O. c. H, N, P, Fe, Cu. d. C, Fe, Ca, O, H.

Câu 7: Theo nguyên tắc bổ sung thì về mặt số lượng đơn phân, trường hợp nào sau đây là đúng?

- a. $A + G = G + X$. b. $A + G = T + X$.
c. $A + X + T = G + A + G$. d. $A + X + T = G + A + X$.

Câu 8: Từ noãn bào bậc 2 qua giảm phân II sẽ tạo ra được:

- a. 2 trứng và 2 thể cực. b. 4 trứng.
c. 1 trứng và 1 thể cực. d. 4 thể cực.

Câu 9: Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?

- a. tARN. b. mARN. c. rARN. d. tARN và rARN.

Câu 10: Bản chất của gen là:

- a. Một đoạn phân tử ADN. b. Một đoạn của phân tử ARN.
c. Một đoạn của phân tử Prôtêin. d. Là một chuỗi axitamin.

Câu 11: Để xác định độ thuần chủng của giống cần thực hiện phép lai nào?

- a. Lai với cơ thể đồng hợp trội. b. Lai với cơ thể dị hợp.
c. Lai phân tích. d. Lai hai cặp tính trạng.

Câu 12: Ở cà chua tính trạng quả đỏ (A) là trội so với tính trạng quả vàng (a). Khi lai phân tích thu được F₁ toàn quả đỏ. Cơ thể mang kiểu hình trội sẽ có kiểu gen:

- a. aa. b. AA. c. Aa. d. Cả Aa, aa.

II/ TƯ LUẬN

Câu 13: Nêu chức năng của NST đối với sự di truyền các tính trạng?

Câu 14: Chức năng của các loại ARN? Cho một đoạn mạch của ARN có trình tự của các Nuclêôtit như sau:

- A - U - G - X - X - U - A - G - G -

Xác định trình tự các Nuclêôtit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn ARN trên?

Câu 15: Ở bò lông đen là trội so với lông vàng. Cho 2 giống bò thuần chủng lông đen giao phối với bò lông vàng. (Biết rằng tính trạng màu lông do 1 cặp gen qui định).

- a. Hãy xác định kết quả lai ở F₁?
b. Cho bò ở F₁ giao phối với nhau xác định kiểu gen và kiểu hình ở F₂?

ĐÁP ÁN

A/ TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	d	b	a	b	d	a	b	c	b	a	c	b

B/ TỰ LUẬN

Câu	Nội dung đáp án	Điểm thành phần
Câu 13 (2,0 điểm)	<p>* Chức năng của NST đối với sự di truyền tính trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - NST mang gen có bản chất là ADN có vai trò quan trọng đối với sự di truyền. - Nhờ sự tự sao của ADN đưa đến sự tự nhân đôi của NST. - Qua đó các gen qui định tính trạng được di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể. 	(1 đ) (0,5 đ) (0,5 đ)
Câu 14 (2,0 điểm)	<p>+ mRNA truyền đạt thông tin di truyền. + tARN vận chuyển a. amin. + rARN thành phần cấu tạo nên ribôxôm.</p> <p style="text-align: center;">*ARN - A - U - G - X - X - U - A - G - G -</p> <p>ADN (Mạch gốc) - T - A - X - G - G - A - T - X - X -</p> <p style="text-align: center;"> </p> <p>Mạch bổ sung - A - T - G - X - X - T - A - G - G -</p>	(0,5 đ) (0,5 đ) (0,5 đ) (0,25 đ) (0,25 đ)
Câu 15 (3,0 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định tính trội, lặn: Theo bài ra lông đen là trội so với lông vàng - Qui ước gen: A: Lông đen → KG: AA ; a: Lông vàng → KG: aa. - Sơ đồ lai: <p>a) P: AA (lông đen) x aa (lông vàng)</p> <p style="padding-left: 40px;">G_p: A a</p> <p>F1: Aa (100% lông đen)</p> <p>b) F1 x F1 : Aa x Aa</p> <p style="padding-left: 40px;">G : A, a A, a</p> <p>F2: AA ; aA ; Aa aa</p> <p>KG: 1AA : 2Aa : 1aa</p> <p>Kiểu hình: 3 bò lông đen : 1 bò lông vàng</p>	(0,25 đ) (0,5 đ) (0,25 đ) (0,5 đ) (0,5 đ) (0,5 đ) (0,25 đ) (0,25 đ)

2. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 2

TRƯỜNG THCS GIÁP SƠN**ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ I****Môn: sinh học 9**

Thời gian: 45 phút

NĂM HỌC 2019- 2020

Câu 1: Biến dị tổ hợp là gì? Nó xuất hiện ở hình thức sinh sản nào? Nêu nguyên nhân xuất hiện các biến dị tổ hợp?

Câu 2: Bộ NST của mỗi loài đặc trưng bởi những yếu tố nào? Cấu trúc của 1 NST điển hình?

Câu 3: Mô tả cấu trúc không gian và chức năng của ADN .

Câu 4:

a. Cho một đoạn mạch của ARN có trình tự của các Nuclêotit như sau:

- A – U – G – X – X – U – A – G – G –

Hãy xác định trình tự các Nuclêotit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn mạch ARN trên.

b. Vẽ sơ đồ và trình bày nội dung mối quan hệ gen và tính trạng?

ĐÁP ÁN

	Hướng dẫn trả lời	Điểm
Câu 1 (2đ)	Biến dị tổ hợp:	
	- Sự tổ hợp lại các tính trạng của P, làm xuất hiện các tính trạng khác P.	1đ
	- Xuất hiện ở hình thức sinh sản hữu tính	0,5đ
	- Sự phân li của các cặp tính trạng	0,5đ
Câu 2 (2,5đ)	- Bộ NST của loài đặc trưng bởi số lượng, hình dạng và trật tự sắp xếp các gen trên NST.	1đ
	- ở kì giữa của quá trình phân bào mỗi NST gồm 2 crômatit dính với nhau tại tâm động.	1đ
	- Mỗi crômatit gồm 1 phân tử ADN và 1 protein histon.	0,5đ
Câu 3 (2,5đ)	Cấu trúc không gian của ADN:	
	- Phân tử ADN là một chuỗi xoắn kép, gồm 2 mạch đơn song song, xoắn đều quanh một trục theo chiều từ trái sang phải.	0,5đ
	- Mỗi vòng xoắn cao 34 Å, gồm 10 cặp Nuclêotit, đường kính vòng xoắn là 20 Å .	0,5đ

- c. Các biến dị tổ hợp
- d. Tỷ lệ của mỗi kiểu hình bằng tích tỷ lệ của các tính trạng hợp thành nó

Câu 5. Khi lai hai bố mẹ thuần chủng khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì:

- a. F_1 phân li tính trạng theo tỷ lệ 3 trội : 1 lặn
- b. F_2 phân li tính trạng theo tỷ lệ 3 trội : 1 lặn
- c. F_1 đồng tính về tính trạng của bố hoặc mẹ, F_2 phân li tính trạng theo tỷ lệ 2 trội: 1 lặn
- d. F_2 phân li tính trạng theo tỷ lệ 1 trội : 1 lặn

Câu 6. Ý nghĩa cơ bản của nguyên phân là gì?

- a. Sự phân chia đồng đều chất nhân của tế bào mẹ cho 2 tế bào con
- b. Sự sao chép nguyên vẹn bộ NST của tế bào cho 2 tế bào con
- c. Sự phân li đồng đều của các crômatit về 2 tế bào con
- d. Sự phân chia đồng đều chất tế bào của tế bào mẹ cho 2 tế bào con

II. Tự luận

Câu 1. Giảm phân là gì? Sự giảm phân và thụ tinh có ý nghĩa như thế nào đối với sinh vật và con người?

Câu 2. Một đoạn ADN có trình tự các nuclêôtit mạch 1 như sau:

- A- T- X - X- G- A - G- T- A - G- X - X- A -

Hãy xác định trình tự các ribonuclêôtit của đoạn ARN được tổng hợp dựa trên mạch 2 của đoạn ADN trên.

Câu 3. Nêu sự khác nhau về cấu trúc và chức năng của ADN, ARN và Prôtêin ?

Câu 4. Ở người gen A qui định tóc quăn, gen a qui định tóc thẳng, gen T qui định mắt đen, gen t qui định mắt xanh. Các gen này phân li độc lập với nhau.

Bố tóc thẳng, mắt xanh. Hãy chọn người mẹ có kiểu gen phù hợp để con sinh ra đều có mắt đen, tóc quăn. (Lập sơ đồ lai)

ĐÁP ÁN

I/ Trắc nghiệm: A. 1. a, 2. d, 3. b, 4 d, 5.b, 6.b

II/ Tự luận:

Câu 1. (2đ)

+ Giảm phân là sự phân chia của TB sinh dục ($2n$) ở thời kì chín. Qua 2 lần pbào liên tiếp giảm phân cho ra 4 TB con có bộ NST đơn bội (n). (1đ)

+ Sự giảm phân và thụ tinh có ý nghĩa gì đối với sinh vật và con người là:

Sự phối hợp giữa các quá trình nhân, giảm phân và thụ tinh đảm bảo duy trì ổn định bộ NST đặc trưng của nhg loài ssản hữu tính qua các thế hệ cơ thể.

Sự kết hợp ngẫu nhiên của các giao tử khác nhau về nguồn gốc NST qua thụ tinh tạo ra các hợp tử mang những tổ hợp NST khác nhau. Đây là nguyên nhân chính tạo ra các biến dị tổ hợp (nguyên liệu của quá trình tiến hoá và chọn giống). (1đ)

Câu 2. (1đ)

Một đoạn ADN có trình tự các nu mạch1:- A- T- X - X- G- A - G- T- A - G- X - X- A -

Xác định trình tự các ri bônucleôtit của đoạn ARN được tổng hợp dựa trên mạch 2 của đoạn ADN trên.Theo nguyên tắc bổ sung: các nucleôtit mạch 1 liên kết với các nucleôtit mạch 2 (A- T, T- A, G- X, X- G), mạch 2 của đoạn ADN trên là:

Mạch 1 - A - T - X - X - G - A - G - T - A - G - X - X - A -
 | | | | | | | | | | | | | |

Mạch 2 - T - A - G - G - X - T - X - A - T - X - G - G - T - (0,5đ)

Theo nguyên tắc bổ sung: các nucleôtit mạch 2 của ADN liên kết với các nucleôtit môi trường (A - U, T - A, G - X, X - G), nên trình tự các ribônucleôtit của đoạn ARN được tổng hợp dựa trên mạch 2 của đoạn ADN trên là .:

Đoạn ARN là: - A - U - X - X - G - A - G - U - A - G - X - X - A - (0,5đ)

Câu 3. Sự khác nhau cơ bản về cấu trúc và chức năng của ADN, ARN và prôtêin: (2đ)

Đại phân tử	Cấu trúc	Chức năng	Điểm
ADN	- 2 chuỗi xoắn kép - Bốn loại nucleôtic:A,T,G, X	- Lưu giữ thông tin di truyền - Truyền đạt thông tin di truyền	0,5đ
ARN	- 1Chuỗi xoắn đơn - Bốn loại nucleôtit: A,U,G, X	- mARN truyền đạt thông tin di truyền - tARN vận chuyển axit amin - rARN tham gia cấu trúc ribôxôm	0,5đ
Prôtêin	- Một hay nhiều chuỗi đơn axit amin - Hơn 20 loại axit amin, có cấu trúc không gian 4 bậc	- Cấu trúc các bộ phận của tế bào - Tham gia cấu tạo nên enzym xúc tác các quá trình trao đổi chất - Tham gia cấu tạo nên hoocmôn điều hoà quá trình trao đổi chất	1đ

		- Vận chuyển và cung cấp năng lượng,	
--	--	--------------------------------------	--

Câu 4. (2đ)

+ (0,5đ) Qui ước - Theo đề bài ta có: Tóc xoăn trội so với tóc thẳng.

Mắt đen trội so với mắt xanh, nên: A: Tóc xoăn, a: Tóc thẳng. T: Mắt đen, t: Mắt xanh(0,5đ)

+ (0,5đ). Xác định kiểu gen của P:

- Bố có tóc thẳng, mắt xanh nên kiểu gen của bố là: aatt

- Con sinh ra đều có tóc quăn, mắt đen, nên kiểu gen của mẹ là: AATT (0,5đ).

+ (1,5đ). Sơ đồ lai: P : AATT (tóc xoăn, mắt đen) x aatt (tóc thẳng, mắt xanh) (0,25đ).

G_p: AT at (0,25đ).

F₁: AaTt (100% tóc xoăn, mắt đen) (0,5đ).

4. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 4

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Bài kiểm tra 1 tiết môn sinh học 9

NĂM: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

A. Trắc nghiệm:**I. Chọn và khoanh tròn vào phương án trả lời đúng nhất**

Câu 1. Trong phép lai phân tích, nếu kết quả phép lai đồng tính thì cá thể mang tính trạng trội có kiểu gen gì?

- a. Đồng hợp. b. Dị hợp. c. Phân tính. d. Đồng tính.

Câu 2. Thực chất của sự di truyền độc lập các tính trạng là gì?

- a. Tỷ lệ phân li của các cặp tính trạng là 3 trội : 1 lặn.
 b. Tỷ lệ phân li của các cặp tính trạng luôn luôn là 9 : 3 : 3 : 1.
 c. Tỷ lệ của mỗi kiểu hình bằng tích tỷ lệ của các tính trạng hợp thành nó.
 d. Tỷ lệ của các biến dị tổ hợp luôn luôn là 50% so với bố và mẹ.

Câu 3: Ở người gen A quy định tóc quăn, gen a quy định tóc thẳng. Phép lai nào sau đây cho kết quả đời sau có người con tóc quăn, có người con tóc thẳng?

- a. AA x aa. b. Aa x aa. c. AA x AA. d. aa x aa.

Câu 4: Cho lai cây hoa đỏ với cây hoa trắng thu được F1 toàn cây hoa đỏ. Tính trạng hoa đỏ là tính trạng gì?

- a. Trội. b. Lặn. c. Trung gian. d. Trung tính.

Câu 5: Ở người gen a quy định bệnh máu khó đông, bố và mẹ đều bình thường có kiểu gen Aa. Xác suất sinh ra con bị mắc bệnh máu khó đông là bao nhiêu?

- a. 25%. b. 50%. c. 75%. d. 100%.

Câu 6: Phép lai nào sau đây cho ra kết quả nhiều kiểu hình nhất?

- a. EEFF x eeff. b. Eeff x eeFf.
c. EeFF x EEFF. d. EEff x eeFF.

Câu 7: Thực chất của sự thụ tinh là

- a. sự phát sinh giao tử đực và cái.
b. sự kết hợp giữa một cá thể đực với một cá thể cái.
c. sự kết hợp giữa nguyên phân và giảm phân.
d. sự kết hợp giữa hai bộ nhân đơn bội thành bộ nhân lưỡng bội.

Câu 8: Tại sao trứng có kích thước và khối lượng lớn hơn tinh trùng rất nhiều?

- a. Vì số lượng tinh trùng gấp 4 lần so với số lượng trứng.
b. Vì bộ nhiễm sắc thể của trứng lớn hơn nhiều so với tinh trùng.
c. Vì trứng chứa nhiều chất dinh dưỡng.
d. Vì mỗi lần thụ tinh chỉ có một trứng tham gia.

Câu 9: Một mạch gốc của ADN có trình tự như sau: - A - G - T - X - T - A - G -. Mạch bổ sung là:

- a. - T - X - A - G - A - T - X -. b. - U - X - A - G - A - U - G -.
c. - U - G - T - X - T - U - G -. d. - A - G - T - X - T - A - G - .

Câu 10: 2 phân tử ADN tiến hành tự nhân đôi liên tiếp 3 đợt. Số ADN con được tạo ra là bao nhiêu?

- a. 4. b. 6. c. 8. d. 16

Câu 11. Các nucleotit giữa 2 mạch của ADN liên kết với nhau theo nguyên tắc.....

- a. đa phân. b. bổ sung. c. giữ lại một nửa. d. tự nhân đôi.

Câu 12. ADN được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, gồm nhiều đơn phân là các

- a. nucleic. b. ribo nucleic. c. đeoxy ribo nucleic. d. nucleotit.

II. Nối câu ở cột A tương ứng với cột B Diễn biến của NST trong nguyên phân

Cột A	Cột B	Đáp án
-------	-------	--------

Câu 13 : Kỳ đầu	A. 2 cromatic trong từng NST kép tách nhau ở tâm động thành 2 NST đơn rồi phân ly về 2 cực của tế bào.	Câu 13 :
Câu 14 : Kỳ giữa	B. NST đóng xoắn cực đại và tập trung thành một hàng trên mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.	Câu 14 :
Câu 15 : Kỳ sau	C. Các NST đơn nằm gọn trong 2 nhân mới được hình thành với số lượng là bộ lưỡng bội $2n$ NST .	Câu 15 :
Câu 16 : Kỳ cuối	D. Các NST đơn tự nhân đôi thành NST kép.	Câu 16 :
	E. NST kép đóng xoắn, co ngắn và dính vào sợi tơ vô sắc ở tâm động.	

B/Tự luận:

Câu 1: Phát biểu nội dung quy luật phân ly độc lập và nêu ý nghĩa của nó.

Câu 2: Lập bảng so sánh các đặc điểm về cấu tạo và cấu trúc của ADN, ARN và protein.

Câu 3: Một đoạn gen có chiều dài $102000A^0$ và có số nu loại A chiếm 17,5%. Hãy tính:

a. Số nu mỗi loại trong gen.

b. Khối lượng của gen bằng đơn vị gam.

Câu 4: Giải thích vì sao ở người tỉ lệ trẻ sơ sinh con trai : con gái là xấp xỉ 1 : 1?

ĐÁP ÁN**A. Trắc nghiệm****I. Chọn và khoanh tròn vào phương án trả lời đúng nhất**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	A	C	B	A	A	B	D	C	A	D	B	D

II. Nối câu ở cột A tương ứng với cột B Diễn biến của NST trong nguyên phân

Câu 13: E Câu 14: B Câu 15: A Câu 16: C

B. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	- Quy luật phân li độc lập : Các cặp nhân tố di truyền (cặp gen) đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.	1.0đ
2.0đ		1.0 đ

	- Ý nghĩa : Chính sự phân li độc lập của các cặp tính trạng đã đưa đến sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất các kiểu hình khác P, kiểu hình này gọi là biến dị tổ hợp có ý nghĩa trong chọn giống và tiến hóa.				
Câu2 2.0đ	Đặc điểm	ADN	ARN	Protein	
	Cấu tạo	- Được cấu tạo từ các nguyên tố là C,H,O,N và P - Được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân gồm nhiều đơn phân là các nucleoit thuộc 4 loại A,T,G,X	- Được cấu tạo từ các nguyên tố là C,H,O,N và P - Được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân gồm nhiều đơn phân là các nucleoit thuộc 4 loại A,U,G,X	- Được cấu tạo từ các nguyên tố là C,H,O,N và có thể có các nguyên tố khác. - Được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân gồm nhiều đơn phân là các axit amin với hơn 20 loại khác nhau .	0.75 đ 0.75đ 0.5đ
	Cấu trúc	- Là một chuỗi xoắn kép gồm 2 mạch song song xoắn đều quanh 1 trục tạo thành các vòng xoắn.	- Là một chuỗi xoắn đơn.	- Bao gồm 1 hay nhiều chuỗi axit amin liên kết lại với nhau.	
Câu3 1.5đ	a. Tổng số nu của gen : $N = L/1,7 = 102000/1,7 = 60000$ nu (0,25đ) $\%A = 17,5\% \rightarrow \%G = 50\% - 17,5\% = 32,5\%$ (0,25đ) a. Số nu mỗi loại : $A = T = \%A.N = 17,5\%.60000 = 10500$ nu (0,25đ) $G = X = \%G.N = 32,5\%.60000 = 19500$ nu.(0,25đ) b. Khối lượng của gen: $m = N.300 = 60000.300 = 18000000$ đvC = $18000000.1,6602.10^{-24} = 29,8836.10^{-18}$ gam. (0,25đ)				1.5đ
Câu4 0,5đ	Vi trong quá trình phát sinh giao tử cặp NST giới tính XY cho 2 loại tinh trùng là X và Y với tỉ lệ ngang nhau. Còn cặp NST giới tính XX chỉ cho 1 loại trứng là				0,5đ

X. Trong thụ tinh sự kết hợp ngẫu nhiên giữa 2 loại tinh trùng X và Y với trứng X với tỉ lệ ngang nhau nên tỉ lệ trẻ sơ sinh con trai : con gái xấp xỉ là 1 : 1.
--

5. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 5

PHÒNG GD YÊN THẾ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ I-2019-2020

TRƯỜNG THCS HOÀNG HOA THÁM

MÔN SINH 9

THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Ai là người đã đặt nền móng cho di truyền học

- a. Men đen b. Mooc gan c. New ton d. Anhxtanh

Câu 2. Trong quá trình phân bào NST bắt đầu nhân đôi ở

- a. Kì giữa b. Kì sau c. Kì cuối d. Kì trung gian

Câu 3. Từ một tế bào mẹ sau giảm phân tạo ra mấy tế bào con

- a. 2 b. 3 c. 4 d. 5

Câu 4. Sự kiện quan trọng nhất trong quá trình thụ tinh là

- a. Sự kết hợp theo nguyên tắc 1 giao tử đực với 1 giao tử cái
b. Sự tổ hợp bộ NST của giao tử đực và giao tử cái
c. Sự tạo thành hợp tử
d. Sự kết hợp nhân của 2 giao tử đơn bội

Câu 5. Tại sao tỷ lệ con trai và con gái sơ sinh trên diện rộng xấp xỉ là 1:1

- a. Do số giao tử đực bằng số giao tử cái
b. Do 2 loại giao tử mang NST X và NST Y có số lượng tương đương
c. Do số con trai bằng số con gái
d. Do xác suất thụ tinh của 2 loại giao tử đực (mang NST X và NST Y) là tương đương.

Câu 6. ADN được cấu tạo nên bởi các nguyên tố

- a. C, H, O, N, P b. C, H, P, S, O
c. H, N, P, Fe, Cu d. C, Fe, Ca, O, H

Câu 7. Theo nguyên tắc bổ sung thì mặt số lượng đơn phân những trường hợp nào sau đây là đúng

- a. $A + G = T + X$ b. $A + T = G + X$
c. $A + T + G = A + X + G$ d. $A + X + T = G + X + T$

Câu 8. Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền

- a. mARN b. tARN c. rARN d. Cả A và B

2	<p>- ADN là một chuỗi xoắn kép gồm 2 mạch song song xoắn đều quanh 1 trục theo chiều từ trái sang phải.</p> <p>- Các nucleotit giữa 2 mạch liên kết với nhau bằng các liên kết hidro theo nguyên tắc bổ sung A liên kết với T, G liên kết với X.</p> <p>- Mỗi chu kì xoắn dài 34 Å, gồm 10 cặp nucleotit, đường kính vòng xoắn là 20 Å</p>	0,5 0,5 1
3	<p>Tính trạng lông nâu là trội có kiểu gen AA Tính trạng lông đen là lặn có kiểu gen aa</p> <p>Sơ đồ lai:</p> <pre> P Lông nâu x Lông đen AA aa A a \ / \ / \ / \ / Aa F1 F1 100% lông nâu có kiểu gen Aa </pre>	0,5 0,5 0,5 0,25 0,5 0,25

6. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 6

TRƯỜNG THCS TRƯỜNG CHINH

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 SINH 9

NĂM: 2019-2020

Câu 1:

- Thế nào là di truyền và biến dị : Cho ví dụ ?
- Phát biểu nội dung quy luật phân li độc lập.

Câu 2: Trình bày diễn biến của NST trong quá trình nguyên phân ?

Câu 3:

- Mô tả sơ lược quá trình tự nhân đôi của ADN? Giải thích vì sao 2 ADN con sinh ra giống hệt nhau và giống với ADN mẹ ?
- Trong một đoạn mạch ARN có trình tự các loại Nu như sau :
- XXU – GAU – UAU – GUG – AXA – XGA –

Xác định trình tự các cặp Nu trong gen tổng hợp nên phân tử ARN trên

Câu 4: Ở đậu Hà Lan, tính trạng hạt màu vàng trội hoàn toàn so với hạt màu xanh. Xác định kết quả ở F1 khi đem thụ phấn hai cây đậu thuần chủng hạt màu vàng và hạt màu xanh.

Câu 5: Có tế bào mầm sinh dục được nguyên phân 3 lần liên tiếp. Các tế bào con sinh ra đều giảm phân để hình thành giao tử. Hỏi có bao nhiêu tinh trùng được tạo ra?

ĐÁP ÁN

Câu 1: (2điểm)

a. Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu. 0,5đ

b. Biến dị là hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết. 0,5đ

Ví dụ: đúng đạt được 0,5đ

c. Quy luật phân li độc lập: Các cặp nhân tố di truyền (cặp gen) đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử. 0,5đ

Câu 2 : (2điểm)

Diễn biến cơ bản của NST trong quá trình nguyên phân :

- Kì đầu : NST co ngắn, đóng xoắn và dính vào sợi thoi phân bào ở tâm động. 0,5đ

- Kì giữa : Các NST kép co ngắn cực đại và xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào. 0,5đ

- Kì sau: Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động và phân li về hai cực của tế bào. 0,5đ

- Kì cuối: Các NST đơn nằm gọn trong nhân mới với số lượng = 2n như ở tế bào mẹ. 0,5đ

Câu 3: (3điểm)

a. *Quá trình tự nhân đôi của ADN:

- Khi bắt đầu quá trình tự nhân đôi, phân tử ADN tháo xoắn, 2 mạch đơn tách dần dần. 0,5đ

- Các Nu trên mạch đơn sau khi tách ra lần lượt liên kết với các Nu tự do trong môi trường nội bào để dần hình thành mạch mới. 0,5đ

- Kết thúc quá trình tự nhân đôi, 2 phân tử ADN con được tạo thành giống nhau và giống phân tử ADN mẹ. 0,5đ

*Giải thích vì sao 2 ADN con sinh ra giống hệt nhau và giống với ADN mẹ :

- Sự nhân đôi theo nguyên tắc; Khuôn mẫu, nguyên tắc bổ sung và nguyên tắc bán bảo toàn(giữ lại một nửa) 0,5đ

b. Trình tự các cặp Nu trong đoạn gen tổng hợp nên đoạn mạch ARN

Mạch 1: - GGA – XTA – A TA – XAT - TGT – GXT – 0,5đ

Mạch 2: - XXT - GAT - TAT – GTA - AXA- XGA - 0,5đ

Câu 4: (2 điểm)

Xác định trội lặn: màu vàng là trội hoàn toàn so với màu xanh(theo đề bài).

* Quy ước gen: màu vàng gen A

màu xanh gen a 0,5đ

* Xác định kiểu gen:

Cây mẹ hạt vàng thuần chủng: AA

Cây bố hạt xanh thuần chủng: aa 0,5đ

* Viết sơ đồ lai và kết quả:

P: mẹ hạt vàng (AA) x (aa) bố hạt xanh

Gp A a

F1 Aa 0,5đ

* Kết quả: Tỷ lệ kiểu gen: 100% Aa 0,25đ

Tỷ lệ kiểu hình: 100% hạt vàng 0,25đ

Câu 5 (1điểm)

- Tế bào mầm nguyên phân 3 lần liên tiếp tạo ra: 8 tế bào con.

- 8 tb giảm phân tạo tinh trùng : $8 \times 4 = 32$ tinh trùng.

7. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 7

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

NGUYỄN DU

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ – HỆ SỐ 2

NĂM HỌC 2018 – 2019

Môn: Sinh học – Khối 9 – Chương I, II, III

Thời gian làm bài: 60 phút;

(50 câu trắc nghiệm)

Câu 1: Tại sao Mendel lại chọn các cặp tính trạng tương phản để thực hiện các phép lai?

A. Để dễ chăm sóc và tác động vào các đối tượng nghiên cứu.

B. Để dễ theo dõi những biểu hiện của tính trạng.

C. Để dễ thực hiện phép lai.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 2: Ở đậu Hà Lan, gen A quy định hạt vàng, gen a quy định hạt xanh. Cho lai cây hạt vàng với cây hạt xanh, F₁ thu được 51% cây hạt vàng và 49% cây hạt xanh. Kiểu gen bố mẹ của phép lai trên là

- A. P: AA x aa. B. P: AA x Aa. C. P: Aa x Aa. D. P: Aa x aa.

Câu 3: Tại sao khi lai hai cơ thể bố mẹ thuần chủng khác nhau về một cặp tính trạng tương phản thì ở F₂ phân li theo tỉ lệ trung bình 3 trội : 1 lặn?

- A. Các giao tử được kết hợp một cách ngẫu nhiên trong quá trình thụ tinh.
B. Các nhân tố di truyền được phân li trong quá trình phát sinh giao tử.
C. Các giao tử mang gen trội át các giao tử mang gen lặn.
D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 4: Khi cho cây cà chua thân cao thuần chủng lai phân tích, kết quả thu được là

- A. Toàn thân lùn. B. Toàn thân cao.
C. Tỉ lệ 1 thân cao : 1 thân lùn. D. Tỉ lệ 3 thân cao : 1 thân lùn.

Câu 5: Phép lai tạo ra ở con lai F₁ có 2 kiểu hình nếu tính trội hoàn toàn là

- A. P: AA x AA. B. P: Aa x aa. C. P: AA x Aa. D. P: aa x aa.

Câu 6: Sự di truyền độc lập của các tính trạng được biểu hiện ở F₂ như thế nào?

- A. Có 4 loại kiểu hình khác nhau.
B. Tỉ lệ của mỗi kiểu hình bằng tích tỉ lệ của các tính trạng hợp thành nó.
C. Tỉ lệ mỗi cặp tính trạng 3 : 1.
D. Xuất hiện các biến dị tổ hợp.

Câu 7: Kiểu gen nào dưới đây được coi là thuần chủng?

- A. AA và aa. B. Aa và AA. C. Aa và aa. D. AA, Aa và aa.

Câu 8: Đặc điểm của đậu Hà Lan tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu của Mendel là

- A. Sinh sản và phát triển mạnh. B. Tốc độ sinh trưởng nhanh.
C. Có hoa lưỡng tính, tự thụ phấn cao. D. Có hoa đơn tính.

Câu 9: Hai trạng thái khác nhau của cùng một tính trạng có biểu hiện trái ngược nhau, được gọi là

- A. Cặp gen tương phản.
B. Cặp bố mẹ thuần chủng tương phản.
C. Hai cặp tính trạng tương phản.
D. Cặp tính trạng tương phản.

Câu 10: Trên cơ sở phép lai một cặp tính trạng, Mendel đã phát hiện ra

- A. Quy luật đồng tính.
- B. Quy luật phân li.
- C. Quy luật đồng tính và quy luật phân li.
- D. Quy luật phân li độc lập.

Câu 11: Ý nghĩa sinh học của quy luật phân li độc lập của Mendel là

- A. Giúp giải thích tính đa dạng của sinh giới.
- B. Nguồn nguyên liệu của các thí nghiệm lai giống.
- C. Cơ sở của quá trình tiến hóa và chọn lọc.
- D. Tập hợp các gen tốt vào cùng một kiểu gen.

Câu 12: Ở phép lai hai cặp tính trạng về màu hạt và vỏ hạt của Mendel, kết quả ở F_2 có tỉ lệ thấp nhất thuộc về kiểu hình

- A. Hạt vàng, vỏ trơn.
- B. Hạt vàng, vỏ nhăn.
- C. Hạt xanh, vỏ trơn.
- D. Hạt xanh, vỏ nhăn.

Câu 13: Tại sao biến dị tổ hợp có ý nghĩa quan trọng đối với chọn giống và tiến hóa?

- A. Tạo nhiều tính trạng khác nhau cho sinh vật.
- B. Sinh vật tăng tính đa dạng và phong phú do đó có nhiều khả năng thích nghi và chọn lọc hơn.
- C. Tạo giống mới có năng suất cao và phẩm chất tốt.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 14: Ở cà chua, gen A quy định thân cao, gen a quy định thân lùn, gen B quy định quả đỏ và gen b quy định quả vàng. Các gen này phân li độc lập với nhau. Lai cây cà chua thân cao, quả đỏ với cây cà chua thân lùn, quả vàng. F_1 thu được toàn cây thân cao, quả đỏ. Kiểu gen của P có thể phù hợp với phép lai trên là

- A. P: AABb x aabb.
- B. P: Aabb x aaBb.
- C. P: AABB x aabb.
- D. P: Aabb x aaBB.

Câu 15: Trong 1 gia đình, bố mẹ đều mắt đen nhưng sinh ra 2 người con, một người mắt xanh, người còn lại mắt đen. Biết gen A quy định mắt đen, gen a quy định mắt xanh, A trội hoàn toàn so với a. Vậy bố mẹ trên có thể có kiểu gen là

- A. AA x AA.
- B. Aa x Aa.
- C. Mẹ AA x bố Aa.
- D. Mẹ Aa x bố AA.

Câu 16: Yêu cầu bắt buộc đối với mỗi thí nghiệm của Mendel là

- A. Con lai phải luôn có hiện tượng đồng tính.
- B. Con lai phải thuần chủng về các cặp tính trạng được nghiên cứu.

C. Bố mẹ phải thuần chủng về các cặp tính trạng được nghiên cứu.

D. Cơ thể được chọn lai đều mang các tính trạng trội.

Câu 17: Những đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lí của một cơ thể được gọi là

A. Kiểu hình. **B.** Tính trạng.

C. Kiểu gen. **D.** Kiểu hình và kiểu gen.

Câu 18: Hình thức sinh sản tạo ra nhiều biến dị tổ hợp ở sinh vật là

A. Sinh sản vô tính. **B.** Sinh sản hữu tính.

C. Sinh sản sinh dưỡng. **D.** Sinh sản nảy chồi.

Câu 19: Khi giao phấn giữa cây có quả tròn, chín sớm với cây có quả dài, chín muộn. Kiểu hình nào ở con lai dưới đây được xem là biến dị tổ hợp?

A. Quả tròn, chín sớm. **B.** Quả dài, chín muộn.

C. Quả tròn, chín muộn. **D.** Cả 3 kiểu hình trên.

Câu 20: Phép lai nào dưới đây tạo ra nhiều kiểu gen và nhiều kiểu hình nhất ở con lai?

A. P: DdRr x Ddrr.

B. P: DdRr x DdRr.

C. P: DDRr x DdRR.

D. P: ddRr x ddr.

Câu 21: Các nguyên tố hóa học tham gia trong thành phần của phân tử ADN là

A. C, H, O, Na, S.

B. C, H, O, N, P.

C. C, H, O, P.

D. C, H, N, P, Mg.

Câu 22: Điều nào sau đây là đúng khi nói về đặc điểm của ADN?

A. Là một bào quan có trong tế bào.

B. Chỉ có ở động vật, không có ở thực vật.

C. Đại phân tử, có kích thước và khối lượng rất lớn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 23: Chiều xoắn của phân tử ADN là

A. Chiều từ trái sang phải.

B. Chiều từ phải sang trái.

C. Cùng với chiều di chuyển của kim đồng hồ.

D. Xoắn theo mọi chiều khác nhau.

Câu 24: Từ nào sau đây được dùng để chỉ sự tự nhân đôi của ADN?

A. Tự sao ADN. **B.** Tái bản ADN.

C. Sao chép ADN. **D.** Cả A, B và C đều được.

Câu 25: Kí hiệu của phân tử ARN thông tin là

A. mARN.

B. rARN.

C. tARN.

D. ARN.

Câu 26: Chức năng của tARN là

- A. Truyền thông tin về cấu trúc prôtêin đến ribôxôm.
- B. Vận chuyển axit amin cho quá trình tổng hợp prôtêin.
- C. Tham gia cấu tạo nên nhân tế bào.
- D. Tham gia cấu tạo nên màng tế bào.

Câu 27: Hoàn thành câu sau: “Quá trình tổng hợp ARN diễn ra chủ yếu trong (1) ___ vào kì trung gian, lúc các (2) ___ đang ở sợi mảnh, chưa xoắn. Các loại ARN đều được tổng hợp từ (3) ___ dưới sự xúc tác của (4) ___.”.

- A. (1) nhân tế bào, (2) nhiễm sắc thể, (3) ADN, (4) enzim.
- B. (1) tế bào chất, (2) ribôxôm, (3) ARN, (4) các vitamin.
- C. (1) màng tế bào, (2) bào quan, (3) prôtêin, (4) enzim.
- D. (1) tế bào chất, (2) ARN mẹ, (3) prôtêin, (4) các vitamin.

Câu 28: Đặc điểm chung về cấu tạo của ADN, ARN và prôtêin là

- A. Là đại phân tử, có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.
- B. Có kích thước và khối lượng bằng nhau.
- C. Đều được cấu tạo từ các nuclêôtit.
- D. Đều được cấu tạo từ các axit amin.

Câu 29: Chất hoặc cấu trúc nào dưới đây trong thành phần cấu tạo có prôtêin?

- A. Enzim.
- B. Kháng thể.
- C. Hoocmôn.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 30: Quá trình tổng hợp prôtêin xảy ra ở

- A. Trong nhân tế bào.
- B. Trên phân tử ADN.
- C. Trên màng tế bào.
- D. Tại ribôxôm của tế bào chất.

Câu 31: Prôtêin thực hiện chức năng chủ yếu ở những bậc cấu trúc nào?

- A. Cấu trúc bậc 1.
- B. Cấu trúc bậc 1 và 2.
- C. Cấu trúc bậc 2 và 3.
- D. Cấu trúc bậc 3 và 4.

Câu 32: Cấu trúc thuộc loại prôtêin bậc 3 là

- A. Một chuỗi axit amin xoắn cuộn lại.
- B. Hai chuỗi axit amin xoắn lò xo.
- C. Một chuỗi axit amin xoắn nhưng không cuộn lại.
- D. Hai chuỗi axit amin.

Câu 33: Loại nuclêôtit có ở ARN nhưng không có ở ADN là

- A. Adênin. B. Timin. C. Uaxin. D. Guanin.

Câu 34: Đặc điểm nào sau đây thuộc về phân tử ARN?

- A. Cấu tạo 2 mạch xoắn song song.
B. Cấu tạo bằng 2 mạch thẳng.
C. Gồm có 4 loại đơn phân là A, T, G, X.
D. Kích thước và khối lượng nhỏ hơn so với ADN.

Câu 35: Yếu tố giúp cho phân tử ADN tự nhân đôi đúng mẫu là

- A. Sự tham gia của các nuclêôtit tự do. B. Theo nguyên tắc bổ sung.
C. Sự tham gia xúc tác của các enzym. D. Cả 2 mạch của ADN đều làm mạch khuôn.

Câu 36: Nhiễm sắc thể (NST) là cấu trúc có ở

- A. Trong nhân tế bào. B. Bên ngoài tế bào.
C. Trong màng tế bào. D. Trong các bào quan.

Câu 37: Trong quá trình nguyên phân, có thể quan sát rõ nhất hình thái NST ở vào kì

- A. Trung gian. B. Đầu. C. Giữa. D. Sau.

Câu 38: Một khả năng của NST đóng vai trò rất quan trọng trong sự di truyền là

- A. Biến đổi hình dạng. B. Tự nhân đôi.
C. Trao đổi chất. D. Co, duỗi trong phân bào.

Câu 39: Cặp NST tương đồng là

- A. Hai NST giống hệt nhau về hình thái và kích thước.
B. Hai NST có cùng một nguồn gốc từ bố hoặc mẹ.
C. Hai crômatit giống hệt nhau, dính nhau ở tâm động.
D. Hai crômatit có nguồn gốc khác nhau.

Câu 40: Bộ NST $2n = 48$ là của loài

- A. Tinh tinh. B. Đậu Hà Lan. C. Ruồi giấm. D. Người.

Câu 41: Điều nào dưới đây đúng khi nói về sự giảm phân ở tế bào?

- A. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 2 lần. B. NST nhân đôi 2 lần và phân bào 1 lần.
C. NST nhân đôi 2 lần và phân bào 2 lần. D. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 1 lần.

Câu 42: Hiện tượng xảy ra ở giảm phân nhưng không có trong nguyên phân là gì?

- A. Nhân đôi NST.
B. Tiếp hợp giữa 2 NST kép trong từng cặp tương đồng.
C. Phân li NST về 2 cực của tế bào.
D. Co xoắn và tháo xoắn NST.

Câu 43: Từ một noãn bào bậc I trải qua quá trình giảm phân sẽ tạo

- A.** 1 trứng và 3 thể cực. **B.** 4 trứng.
C. 1 trứng và 2 thể cực. **D.** 4 thể cực.

Câu 44: Loài nào dưới đây có cặp NST giới tính XX ở đực và XY ở cái?

- A.** Ruồi giấm. **B.** Các động vật thuộc lớp Chim.
C. Người. **D.** Động vật có vú.

Câu 45: Hiện tượng di truyền liên kết đã được Moocgan phát hiện trên loài ruồi giấm vào năm

- A.** 1900. **B.** 1910. **C.** 1920. **D.** 1930.

Câu 46: Khi cho giao phối ruồi giấm thuần chủng có thân xám, cánh dài với ruồi giấm thuần chủng có thân đen, cánh ngắn thì ở F₁ thu được ruồi có kiểu hình

- A.** Đều có thân xám, cánh dài.
B. Đều có thân đen, cánh ngắn.
C. Thân xám, cánh dài và thân đen, cánh ngắn.
D. Thân xám, cánh ngắn và thân đen, cánh dài.

Câu 47: Kết quả của một di truyền của liên kết gen là

- A.** Làm tăng biến dị tổ hợp.
B. Làm phong phú, đa dạng ở sinh vật.
C. Làm hạn chế xuất hiện biến dị tổ hợp.
D. Làm tăng xuất hiện kiểu gen nhưng hạn chế xuất hiện kiểu hình.

Câu 48: Hiện tượng nhiều gen cùng phân bố trên chiều dài của NST hình thành nên

- A.** Nhóm gen liên kết. **B.** Cặp NST tương đồng.
C. Các cặp gen tương phản. **D.** Nhóm gen độc lập.

Câu 49: Phép lai nào dưới đây được xem là phép lai phân tích ở ruồi giấm?

- A.** Thân xám, cánh dài x thân xám, cánh dài.
B. Thân xám, cánh ngắn x thân đen, cánh ngắn.
C. Thân xám, cánh ngắn x thân đen, cánh dài.
D. Thân xám, cánh dài x thân đen, cánh ngắn.

Câu 50: Hiện tượng di truyền liên kết là do

- A.** Các cặp gen quy định các cặp tính trạng nằm trên các cặp NST khác nhau.
B. Các cặp gen quy định các cặp tính trạng nằm trên cùng một NST.
C. Các gen phân li độc lập trong giảm phân.
D. Các gen tự do tổ hợp trong thụ tinh.

8. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 8

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN SA THẦY
TRƯỜNG TH&THCS NGUYỄN TRÃI

KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Học kì I - Năm học: 2018 – 2019

Môn: Sinh học - Lớp 9

Thời gian: 45 phút

A. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Khoanh tròn vào các chữ cái A, B, C, D cho ý trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là:

- A. Sự chia đều chất nhân của tế bào mẹ cho 2 tế bào con
- B. Sự phân li đồng đều của các crômatit về 2 tế bào con
- C. Sự sao chép nguyên vẹn của bộ NST của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.
- D. Sự phân chia đồng đều chất tế bào của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

Câu 2: Sự kiện quan trọng nhất của quá trình thụ tinh là:

- A. Sự tổ hợp bộ NST của giao tử đực và giao tử cái.
- B. Sự kết hợp theo nguyên tắc 1 giao tử đực với 1 giao tử cái.
- C. Sự kết hợp nhân của 2 giao tử.
- D. Sự tạo thành hợp tử.

Câu 3: Trong quá trình phân bào NST bắt đầu nhân đôi ở

- A. Kì trung gian
- B. Kì đầu
- C. Kì cuối
- D. Kì sau

Câu 4: Từ một tế bào mẹ sau giảm phân tạo ra mấy tế bào con

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 5: ADN được cấu tạo nên bởi các nguyên tố

- A - C, Fe, Ca, O, H
- B - C, H, P, S, O
- C - H, N, P, Fe, Cu
- D - C, H, O, N, P

Câu 6: Theo nguyên tắc bổ sung thì mặt số lượng đơn phân những trường hợp nào sau đây là đúng

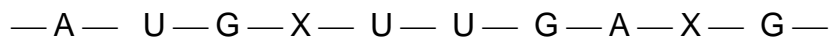
- A. $A + G = T + X$
- B. $A + T = G + X$
- C. $A + T + G = A + X + G$
- D. $A + X + T = G + X + T$

B. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)**Câu 4:** (1,5 điểm)

Hãy giải thích sơ đồ: ADN (gen) → mARN → Prôtêin → Tính trạng.

Câu 5: (2,0 điểm)

Một đoạn mạch ARN có trình tự các nuclêôtit như sau:



Xác định trình tự của các nuclêôtit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn mạch ARN trên.

Câu 6: (3,5 điểm)

Ở người bố mắt đen do gen A qui định, mẹ mắt xanh do gen a qui định. Mắt đen trội hoàn toàn so với mắt xanh. Hãy viết sơ đồ lai và xác định kiểu hình của F1. Cho lai F1 với F1, xác định kiểu gen và kiểu hình ở F2.

ĐÁP ÁN**I. TRẮC NGHIỆM:** (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	A	C	D	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 4: (1,5 điểm)	- Gen là khuôn mẫu tổng hợp mARN - mARN là khuôn mẫu để tổng hợp chuỗi axit amin cấu thành prôtêin. - Prôtêin biểu hiện thành các tính trạng của cơ thể	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 5: (2,0 điểm)	- Mạch khuôn: — T — A — X — G — A — A — X — T — G — X — - Mạch bổ sung: — A — T — G — X — T — T — G — A — X — G —	1,0 điểm 1,0 điểm

Câu 6 (3,5 điểm)	P: ♂ AA (tóc xoăn) x ♀ aa (tóc thẳng)	0,5 điểm
	G: A a	0,5 điểm
	F1: Aa (100% tóc xoăn)	0,5 điểm
	F1 x F1: Aa x Aa	0,5 điểm
	G _{F1} : A, a A, a	0,5 điểm
	F2: 1AA : 2Aa : 1aa 3 tóc xoăn : 1 tóc thẳng	0,5 điểm
		0,5 điểm

9. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 9

Trường THCS Lương Thế Vinh

BÀI KIỂM TRA – Năm học: 2019 – 2020

Họ và tên:

Môn: Sinh học 9

Lớp: 9A

Thời gian: 45 phút

I- Trắc nghiệm:

Em hãy chọn ý trả lời đúng nhất

1. Lai phân tích nhằm mục đích:

- A. Kiểm tra kiểu gen
- B. Kiểm tra kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội.
- C. Xác định kiểu gen của cá thể mang tính trạng trội.
- D. Kiểm tra kiểu gen, kiểu hình của cá thể mang tính trạng trội .

2. Kiểu gen nào dưới đây được xem là thuần chủng?

- A. AA và aa
- B. AA và Aa
- C. Aa và Aa
- D. Aa và aa

3. Thế hệ F1 trong lai 1 cặp tính trạng của Mendel sẽ là

- A. Đồng tính trạng lặn.
- B. Đồng tính trạng trội.
- C. Đều thuần chủng.
- D. Đều khác bố mẹ.

4. Ở cà chua, gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Theo dõi sự di truyền màu sắc thân cây cà chua, người ta nhận thấy:

P: Thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm

F₁ : 75% thân đỏ thẫm : 25% thân xanh lục

Hãy chọn kiểu gen của P phù hợp với phép lai trên trong các công thức lai sau:

A. P : Aa x Aa

B. P : AA x Aa

C. P : AA x aa

D. P : AA x AA

5. Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?

A. rARN

B. tARN

C. mARN

D. Cả 3 loại ARN trên.

6. Trong tế bào sinh dưỡng, nhiễm sắc thể tồn tại ở dạng nào.

A. Đơn bội.

B. Cặp NST tương đồng.

C. Bộ NST lưỡng tính.

D. Bộ NST đặc thù.

7. Từ một noãn bào bậc I qua giảm phân sẽ tạo ra.

A. 4 trứng.

B. 3 trứng và 1 thể cực.

C. 2 trứng và 2 thể cực.

D. 1 trứng và 3 thể cực.

8. Prôtêin thực hiện được c/n của mình chủ yếu ở những bậc cấu trúc nào sau đây?

A. Cấu trúc bậc 1

B. Cấu trúc bậc 1 và bậc 2

C. Cấu trúc bậc 2 và bậc 3

D. Cấu trúc bậc 3 và bậc 4

II- Tự luận (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 đ). Cơ chế nào dẫn đến sinh con trai, con gái ở người. Quan điểm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay con gái là đúng hay sai

Câu 2 (1,5 đ). Thế nào là nguyên phân, giảm phân và thụ tinh

Câu 3 (1,0đ). Một đoạn mạch ARN có trình tự các Nu như sau :

- U - U - G - X - U - A - G - A - X -

Xác định trình tự các nuclêôtit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn ARN trên.

Câu 4 (1,5đ). Viết sơ đồ và nêu bản chất mối quan hệ giữa gen và tính trạng

ĐÁP ÁN

I- Trắc nghiệm (4,0 điểm)

HS chọn đúng mỗi câu được 0,5 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8
C	A	B	A	C	B	D	D

II- Tự luận (6,0 điểm)

Câu 1(2,0 đ).

- Qua giảm phân, ở người mẹ chỉ chi ra 1 loại NST giới tính X, còn ở người bố thì cho ra 2 loại NST giới tính X và Y. Sự thụ tinh giữa tinh trùng mang NST giới tính X với trứng tạo ra hợp tử chứa XX sẽ phát triển thành con gái, còn tinh trùng mang NST giới tính Y với trứng tạo ra hợp tử chứa XY sẽ phát triển thành con trai.
- Quan điểm cho rằng người mẹ quyết định việc sinh con trai hay con gái là sai.

Câu 2(1,5 đ).

- Nguyên phân là hình thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể
- Giảm phân là sự phân chia của tế bào sinh dục mang bộ NST lưỡng bội (2n) ở thời kì chín
- Thụ tinh là sự tổ hợp ngẫu nhiên giữa một giao tử đực với một giao tử cái

Câu 3 (1,0đ):

Trình tự các nuclêôtit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn ARN trên là :

ARN - U - U - G - X - U - A - G - A - X -

ADN - A - A - X - G - A - T - X - T - G -

- T - T - G - X - T - A - G - A - X -

Câu 4 (1,5đ):

* Sơ đồ mối quan hệ :

Gen (một đoạn ADN) $\xrightarrow{1}$ mARN $\xrightarrow{2}$ Prôtêin $\xrightarrow{3}$ Tính trạng

* Bản chất mối quan hệ: Trình tự các nuclêôtit trong ADN quy định trình tự các nuclêôtit trong mARN, qua đó trình tự này quy định trình tự các axit amin của phân tử prôtêin. Prôtêin trực tiếp tham gia vào cấu trúc và các hoạt động sinh lí của tế bào, từ đó biểu hiện thành tính trạng của cơ thể

10. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 9 số 10

TRƯỜNG THCS TRẦN NHÂN TÔNG

KIỂM TRA 1 TIẾT SINH 9

NĂM: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

Câu 1: (2 điểm)

- Phát biểu nội dung qui luật phân li?
- Vì sao Men đen chọn đậu Hà lan làm đối tượng nghiên cứu?

Câu 2: (3 điểm)

- Trình bày những diễn biến cơ bản của NST trong quá trình nguyên phân?
- Tính số tế bào con được tạo thành khi 3 tế bào nguyên phân 5 lần liên tiếp?

Câu 3: (3 điểm)

- So sánh ADN và ARN?
- Nêu nguyên tắc tổng hợp ADN?

Câu 4: (2 điểm)

- Ở chó lông ngắn trội hơn lông dài, khi cho con đực lông ngắn lai với con cái lông ngắn được F₁ có tỉ lệ: 75% lông ngắn : 25% lông dài. Hỏi P có kiểu gen như thế nào để có được F₁ tỉ lệ như vậy.

b. Một đoạn ARN có trình tự các Nucleotit như sau:

- A - U - X - X - G - X - U - U - G - A - U - U -

Xác định trình tự các Nucleotit trong gen tổng hợp ra đoạn ARN trên?